

Bản án số: 251/2021/DS-ST.

Ngày: 21 - 12 - 2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Văn Tốt.

2/ Ông Hà Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 536/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H; sinh năm: 1962; nơi cư trú: Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B; sinh năm: 1955; nơi cư trú: Khu phố 1, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/12/2020 của bà Lê Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn B có quen biết với nhau. Tháng 9/2019, bà có cho ông B vay 200.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Hai bên có lập giấy mượn tiền nhưng không ghi ngày tháng năm.

Từ khi vay đến nay thì ông B trả tiền lãi được 12 tháng. Đến ngày 01/9/2020 thì ngưng đến nay. Đến ngày 05/12/2020 thì bà có nhận của ông B 60.000.000 đồng.

Nay, bà yêu cầu ông B trả cho bà số tiền vốn còn lại là 140.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/9/2020 đến nay là 17.500.000 đồng. Trường hợp Tòa án

tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật thì bà đồng ý, bà yêu cầu được tính mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Bà yêu cầu ông B trả toàn bộ số tiền còn thiếu, trả một lần vào ngày 01/02/2022. Bà không có yêu cầu gì đối với những người vay tiền của ông B.

Ông Nguyễn Văn B là bị đơn trình bày: Ông có nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà Lê Thị H cho người em vay, bà H lấy tiền lời trước 01 tháng là 6.000.000 đồng, vay từ ngày 01/9/2019 đến ngày 20/11/2019 thì người em không vay nữa nên trả tiền lại cho ông. Vì ông cam kết với bà H là kiếm lời trong vòng 01 năm nên ông đã lấy tiền cho người khác vay là vợ chồng anh Vũ Quang V và chị Vũ Thị Q, việc này bà H cũng biết. Số tiền này đã trả được 01 năm tiền lãi, mỗi tháng 3%. Đến ngày 05/12/2020 ông có đưa cho bà H 60.000.000 đồng và có làm Đơn nhận tiền ngày 05/12/2020, người viết giấy là Lê Văn S (cháu của ông). Nay, ông đồng ý trả số nợ còn lại sau khi tính lại số tiền lãi đã đóng theo quy định của pháp luật. Nay, vì hoàn cảnh khó khăn, ông xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền. Ông không có yêu cầu gì đối với Vũ Quang V và chị Vũ Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét thấy, theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử không có Kiểm sát viên.

[2] Xét thấy, ông Nguyễn Văn B vay tiền của bà Lê Thị H, sau đó ông B cho anh Vũ Quang V và chị Vũ Thị Q vay lại. Ông B, bà H không có yêu cầu gì đối với anh V và chị Q trong vụ án này. Ông B đưa cho bà H 60.000.000 đồng, ông B có nhờ anh Lê Văn S viết giùm giấy biên nhận ngày 05/12/2020, bà H xác nhận có nhận số tiền này, ông B và bà H không có yêu cầu gì đối với anh S. Vì vậy, Tòa án không đưa anh V, chị Q, anh S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Xét thấy, ông B và bà H thừa nhận ngày 01/9/2019, ông B có vay của bà H 200.000.000 đồng, lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, hai bên có lập Giấy mượn tiền không ghi ngày tháng năm. Ông B đã trả 01 năm tiền lãi với số tiền là 72.000.000 đồng, đến ngày 05/12/2020 thì trả 60.000.000 đồng tiền vốn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92 Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[4] Xét thấy, bà H cho ông B vay lãi suất là 3%/tháng, tương đương 36%/năm. Theo quy định tại các điều 463, 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm. Như vậy, số tiền lãi 01 năm bà H được chấp nhận theo quy định pháp luật là: $20\% \times 200.000.000 \text{ đồng} = 40.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi 01 năm ông B đóng vượt quá quy định là $72.000.000 \text{ đồng} - 40.000.000 \text{ đồng} = 32.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền này sẽ được trừ vào vốn. Như vậy, tính đến ngày 01/9/2020, số tiền vốn vay ông B còn thiếu bà H là $200.000.000 \text{ đồng} - 32.000.000 \text{ đồng} = 168.000.000 \text{ đồng}$.

[5] Xét thấy, từ ngày 01/9/2020 đến ngày 05/12/2020 (03 tháng 04 ngày), ông B ngưng trả lãi và gốc nên ông B phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Theo Điều 466 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn được tính như sau: $168.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 20\%/12\text{tháng} \times (03 \text{ tháng} + 04 \text{ ngày}/30 \text{ ngày}) = 13.160.000 \text{ đồng}$.

[6] Xét thấy, ngày 05/12/2020, ông B trả cho bà H 60.000.000 đồng nên số tiền vốn ông B còn nợ là: $168.000.000 \text{ đồng} - 60.000.000 \text{ đồng} = 108.000.000 \text{ đồng}$.

[7] Từ ngày 05/12/2020 đến ngày 21/12/2021 (12 tháng 16 ngày), theo Điều 466 Bộ luật Dân sự, ông B phải trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn được tính như sau: $108.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 20\%/12\text{tháng} \times (12 \text{ tháng} + 16 \text{ ngày}/30 \text{ ngày}) = 33.840.000 \text{ đồng}$.

[8] Như vậy, căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự tính đến ngày 21/12/2021, ông B có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền là: $108.000.000 \text{ đồng} + 13.160.000 \text{ đồng} + 33.840.000 \text{ đồng} = 155.000.000 \text{ đồng}$. Ghi nhận việc bà H đồng ý yêu cầu ông B trả lại số tiền theo quy định pháp luật mà bà H được nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông B trả cho bà H số tiền 155.000.000 đồng.

[9] Xét thấy, bà H yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền vào ngày 01/02/2022, ông B không đồng ý, ông xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền. Theo Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, như vậy Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà H, buộc ông B trả một lần hết toàn bộ số tiền cho bà H vào ngày 01/02/2022.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ các điều 12, 15, 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10.1] Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.587.500 đồng.

[10.2] Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 155.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp áp phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận và miễn nộp áp phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự,

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Các điều 12, 15, 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền là 155.000.000 (một trăm năm mươi lăm triệu) đồng. Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả hết số tiền vào ngày 01/02/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.587.500 (ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0105875 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự; (2)
- TAND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Quận 12; (2)
- Chi cục THADS Quận 12; (1)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (2) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp